TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - HÀ TĨNH** Số: 14/ 2026/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Tĩnh, ngày 22 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 34/2026/TLST-HNGĐ ngày 01/4/2026 về việc "Tranh chấp ly hôn" giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh ngày: 17/10/1993; CCCD số: 040193018577; địa chỉ: Xóm D Y, xã H, tỉnh Hà Tĩnh.

- Bị đơn: Anh Phan Văn B, sinh ngày: 18/11/1986; CCCD số: 042086002452; địa chỉ: Xóm D Y, xã H, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3, 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 4 năm 2026;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N thuận tình ly hôn anh Phan Văn B

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ con chung:* Chị Nguyễn Thị N và anh Phan Văn B thống nhất thỏa thuận: Vợ chồng có 01 người con chung là Phan Thị Ngọc D, sinh ngày 13/9/2025, giao con chung cho anh Phan Văn B trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Anh Phan Văn B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị N có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai có được ngăn cấm hay cản trở.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không có tài sản chung và không có nợ chung.

2.3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N tự nguyện nộp 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm thuận tình ly hôn, nhưng được khấu trừ trong số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000454, ngày 01/04/2026 tại phòng thi hành án khu vực 4 – Hà Tĩnh. Trả lại cho Chị Nguyễn Thị N số tiền 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. "Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận: **THẨM PHÁN**
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND khu vực 4 - Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND x. Hương Bình , t. Hà Tĩnh;
- Lưu hồ sơ, VP

Trần Đức Chính